

Học tập cá nhân hóa: Các nhân tố cần thiết và lưu ý triển khai

Trần Thị Thu Hương

Email: huong.tran@vnu.edu.vn
 Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội
 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Cá nhân hóa việc học tập đang là xu hướng tất yếu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Để góp phần luận giải rõ hơn về học tập cá nhân hóa, nghiên cứu này nhằm tổng hợp và phân tích các khái niệm liên quan và các nhân tố thiết yếu cần đảm bảo trong quá trình triển khai dạy học cá nhân hóa một cách hiệu quả. Kết quả nghiên cứu chỉ ra xu hướng học tập cá nhân hóa bắt nguồn từ nhu cầu giải quyết bốn vấn đề của giáo dục trong bối cảnh mới, đồng thời cũng nêu rõ sáu nhân tố thiết yếu cần đảm bảo của học tập cá nhân hóa. Những kết quả và khuyến nghị của nghiên cứu không chỉ cung cấp nền tảng lí thuyết cho những nhà quản lí trong việc triển khai mô hình học tập cá nhân hóa tại các nhà trường với sự ứng dụng của các nền tảng kĩ thuật số mà còn giúp các nhà nghiên cứu giáo dục có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn về vấn đề này.

TỪ KHÓA: Học tập cá nhân hóa, học tập phân biệt, học tập thích ứng, môi trường kĩ thuật số, lấy người học làm trung tâm.

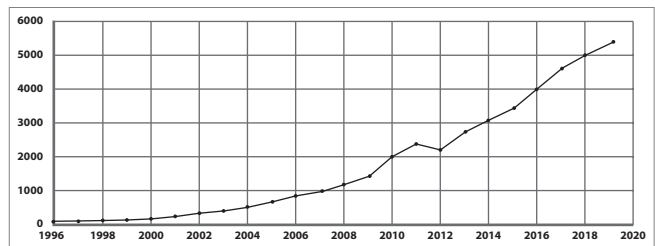
→ Nhận bài 11/11/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 28/11/2021 → Duyệt đăng 15/02/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210201>

1. Đặt vấn đề

Học tập cá nhân hóa gần đây đã được nhắc đến rộng rãi tại nhiều quốc gia và thu hút sự chú ý của các nhà giáo dục. Phương pháp học cá nhân hóa hiệu quả giúp người học tăng động lực và hứng thú học tập, từ đó cải thiện kết quả học tập [1]. Theo Lee et al. [2], học tập cá nhân hóa nên trở thành một giải pháp giúp việc học đáp ứng được nhu cầu và phù hợp với trải nghiệm cá nhân của mỗi người học, nhờ đó giúp họ phát huy tối đa tiềm năng thông qua các hướng dẫn tùy chỉnh. Hướng dẫn tùy chỉnh (the customized instructions) bao gồm những nội dung được giảng dạy, cách thức và nhịp độ mà nội dung đó được truyền đạt [3]. Chúng giúp việc học đáp ứng được nhu cầu cá nhân, sở thích của người học trong những tình huống đa dạng trong thực tế giảng dạy. Hơn nữa, FitzGerald et al. [4] đã chỉ ra rằng, cá nhân hóa việc học hiện đang là một xu hướng được nhắc tới nhiều trong các cơ quan chính phủ, các phương tiện truyền thông đại chúng, hội nghị, bài nghiên cứu cũng như các dự án đổi mới công nghệ. Theo Shemshack & Spector [1], đặc biệt từ năm 2010, số lượng bài báo quốc tế có các thuật ngữ liên quan tới học tập cá nhân hóa tăng nhanh, từ 2000 bài vào năm 2010 lên gấp gần ba lần với khoảng 5.500 bài vào năm 2019 (xem Biểu đồ 1).

Tuy nhiên, cá nhân hóa việc học tập là một quá trình rất khó để triển khai vì tính phức tạp, tốn kém và thậm chí là bất khả thi nếu thiếu sự hỗ trợ của phương tiện công nghệ tiên tiến và đủ mạnh [2]. Do đó, dù học tập cá nhân hóa đóng vai trò quan trọng trong xã hội hiện đại nhưng nó vẫn chưa được triển khai một cách hoàn



Biểu đồ 1: Thống kê số bài báo quốc tế có liên quan tới học tập cá nhân hóa trên thế giới tính đến năm 2019 [1].

thiện trong các hệ thống giáo dục [5]. Theo Schmid & Petko (2019) [6], tổng quan tài liệu nghiên cứu trên thế giới hiện nay cho thấy, học tập cá nhân hóa là một phạm trù nhiều lớp với nhiều định nghĩa khác nhau và dạng thức triển khai khác nhau. Thực tế là, dù có rất nhiều nguồn tài liệu nghiên cứu về học tập cá nhân hóa nhưng việc không có một định nghĩa, hình thức và nguyên tắc triển khai rõ ràng có thể là trở ngại trong tiến trình nghiên cứu về học tập cá nhân hóa [1]. Vì vậy, nghiên cứu này tổng hợp và phân tích các định nghĩa khác nhau về học tập cá nhân hóa, đồng thời chỉ ra các nhân tố cần thiết trong triển khai phương pháp học tập này. Từ đó, tác giả nêu ra các khuyến nghị đối với các nhà quản lí giáo dục trong quá trình triển khai học tập cá nhân hóa tại nhà trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu tài

liệu nhằm tổng hợp và phân tích cơ sở lí luận về học tập cá nhân hóa. Tác giả tổng quan tài liệu gồm các bài báo quốc tế trong thuộc hệ thống dữ liệu Web of Science thông qua tra cứu tại website <https://scholar.google.com> và <https://www.sciencedirect.com>. Ngoài ra, các nguồn tài liệu gồm sách tham khảo, chuyên khảo, luận văn, luận án và báo cáo có chất lượng cũng được khai thác. Các từ khóa được sử dụng: liên quan tới “personalized learning”, “individualized learning”, “adaptive learning” hoặc “học tập cá nhân hóa” “cá nhân hóa học tập”. Kết quả nghiên cứu chỉ ra bốn vấn đề của giáo dục trong bối cảnh hiện nay dẫn tới nhu cầu tất yếu của xu hướng học tập cá nhân hóa, các cách hiểu và phạm trù của khái niệm “học tập cá nhân hóa”. Nghiên cứu cũng đồng thời chỉ ra các nhân tố tất yếu cần đảm bảo khi triển khai học tập cá nhân hóa, từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm phát huy hiệu quả học tập cá nhân hóa trong các cơ sở giáo dục tại Việt Nam.

2.2. Các vấn đề của giáo dục trong kỉ nguyên công nghệ

Hiện nay, giáo viên trong các lớp học thông thường (Lớp học thông thường được hiểu là lớp học với các phương pháp giảng dạy truyền thống, trang thiết bị chủ yếu của lớp học gồm phấn bảng và học liệu bao gồm sách giáo khoa/giáo trình và học liệu in ấn) phải đối diện với 04 vấn đề lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả học tập của học sinh.

Thứ nhất, là đòi hỏi về sự khác biệt bởi tất cả các lớp học đều “đa dạng”. Giáo viên khó có thể dùng một tài liệu, một phiếu bài tập với một phương pháp để đáp ứng được nhu cầu học tập của từng học sinh. Đa dạng trong lớp học nghĩa là có nhiều cấp độ, nhiều phong cách và sở thích học tập, kiến thức nền khác nhau. Trong khi học liệu giảng dạy lại chỉ có một theo kiểu đồng nhất khiến dẫn tới tình trạng giảng dạy kém hiệu quả với tất cả các đối tượng học sinh trong lớp (One size fits none) [7].

Thứ hai, là vấn đề về phương pháp giảng dạy. Trong thực tế, theo Weiss & Bordelon (2012) [8], việc hầu hết các giáo viên chỉ sử dụng phấn - bảng, thuyết giảng và để học sinh lắng nghe với hầu hết thời gian tại lớp. Thêm vào đó, lượng bài tập mang tính thực hành đập khuôn máy móc quá nhiều khiến học sinh có ít sự liên hệ giữa cuộc sống hàng ngày với các vấn đề được nêu trong lớp học.

Thứ ba, liên quan tới việc kiểm tra đánh giá. Người học luôn cần được đánh giá thường xuyên và có những phản hồi kịp thời với nhịp độ học tập và tiến bộ học tập hàng ngày của họ. Tuy nhiên, trên thực tế, tần suất của các hoạt động kiểm tra, đánh giá được cho là chưa đủ đáp ứng nhu cầu này [8]. Thêm vào đó, việc phản hồi chậm trễ của giáo viên về những gì cần điều chỉnh ở mỗi học sinh cũng khiến việc học giảm hiệu quả. Trong lớp học thông thường, việc theo dõi quá trình học tập

của từng học sinh và đưa ra những đánh giá và phản hồi tại thời điểm là rất khó khăn.

Thứ tư, vấn đề nằm ở sự chênh lệch lớn giữa yêu cầu về các kiến thức, kĩ năng, công cụ cần có đối với học sinh và giáo viên trong môi trường lớp học thế kỉ XXI và thực tế triển khai tại các lớp học. Ngày nay, học sinh được sinh ra và lớn lên trong môi trường số. Trong cuộc sống thường ngày, học sinh đều sử dụng các phương tiện công nghệ với tần suất cao và bị thu hút, tham gia vào nhiều trò chơi và những luồng thông tin hấp dẫn, cập hơn nhật. Tuy nhiên, dù ít nhiều được cải thiện, trong lớp học, họ vẫn tiếp xúc chủ yếu với phấn bảng và tài liệu thông thường. Điều này làm giảm hứng thú của học sinh, đồng thời cũng khiến học sinh không đáp ứng được tối đa các yêu cầu về kĩ năng cần có của thế kỉ XXI trong đó có kĩ năng công nghệ. Mặt khác, về phía giáo viên, họ cần phải là những người hỗ trợ, dẫn dắt việc học tập cho các học sinh kĩ nguyên số của mình. Họ cần sở hữu các kĩ năng cần thiết để hiểu và thúc đẩy được môi trường học tập mang tính quốc tế, lấy người học làm trung tâm và theo đường hướng học tập dự án/ học tập trải nghiệm. Học sinh đứng trước thách thức phải có những kĩ năng, năng lực mới và giáo viên cũng vậy. Trong khi đó, chúng ta không thể chờ đợi một thế hệ giáo viên mới xuất hiện. Chúng ta phải cung cấp các công cụ và sự hỗ trợ cần thiết để giáo viên tự đổi mới chính mình. Tuy nhiên, việc nhận ra toàn bộ khả năng và giải pháp tạo ra các lớp học của thế kỉ XXI còn là một khó khăn đối với các bên liên quan.

2.3. Khái niệm “Học tập cá nhân hóa”

Theo những kết quả nghiên cứu được, Theobald, C. chỉ ra trong luận án tiến sĩ mang tên *Changing our behaviours as teachers in order to meet the needs of our culturally diverse students: a thesis presented in partial fulfilment of the requirements for the degree of master of education (teaching and learning) at Massey University, New Zealand*, học tập cá nhân hóa là việc: “Định hình các hoạt động học tập của học sinh và nội dung chương trình/kiến thức phản ánh được các thông tin đầu vào và sở thích của học sinh”. Bằng cách này, học sinh có thể hiểu cách họ học, làm chủ và thúc đẩy việc học của mình và là người đồng thiết kế chương trình giảng dạy và môi trường học tập của họ. Nhu cầu học tập, sở thích và khả năng của học sinh là các yếu tố quyết định tốc độ học tập của họ. Cùng quan điểm đó, các nhà nghiên cứu cho rằng, việc học cần phải được điều chỉnh và liên tục cải tiến cho phù hợp với điều kiện, khả năng, sở thích, kiến thức nền tảng, sở thích, mục tiêu của mỗi người học và có thể thích ứng với các kĩ năng và kiến thức đang phát triển của người học [9]. Tại Việt Nam, cũng đã có những nghiên cứu về học tập cá nhân hóa. Theo các tác giả Lê Thái Hưng và Nguyễn

Thái Hà [10]: “Học tập cá nhân hóa là một phương thức dạy học trong đó tốc độ học tập và cách tiếp cận dạy học được tối ưu hóa cho nhu cầu của mỗi người học.”

Trên thực tế, các lý thuyết về học tập cá nhân hóa ngày nay được truyền cảm hứng từ triết lý giáo dục từ trong thế kỉ trước. Đặc biệt, John Dewey [11] nhấn mạnh vào trải nghiệm, lấy người học làm trung tâm và việc chương trình giảng dạy cần phù hợp với một thế giới đang liên tục thay đổi. Nghiên cứu của M. Johnson năm 2004 cũng đã chỉ ra rằng, học tập cá nhân hóa bắt nguồn từ lý thuyết đa trí tuệ của Howard Gardners. Sau đó, khái niệm này bắt đầu hình thành khi các nhà cải cách giáo dục tìm kiếm các phương pháp khác nhau để giải quyết vấn đề phát triển cách thức học tập đa dạng hơn cho học sinh. Năm 1968, Fred Keller đưa ra mô hình học sinh tự học theo nhịp độ và theo các giai đoạn tiếp thu kiến thức, sau đó được dạy kèm theo nhóm nhỏ. Mô hình đó là một ví dụ về các sáng kiến ban đầu để thực hiện cá nhân hóa phương pháp tiếp cận hướng dẫn và thường được coi là tiền thân của cá nhân hóa việc học. Trong khi đó, thuyết kiến tạo (Constructivism) đưa ra khái niệm tương đối đầy đủ về cá nhân hóa việc học, đó là một hệ thống chấp nhận phong cách học tập khác nhau của học sinh, hỗ trợ học sinh bằng cách đưa ra các phản hồi đối với lựa chọn của học sinh và cho phép học sinh được theo đuổi sở thích học tập của mình, theo cách thức mà các em thích.

Trong cuốn tài liệu *Transforming American education: Learning powered by technology*, Bộ Giáo dục Hoa Kỳ cũng đã định nghĩa việc học tập được cá nhân hóa bao gồm việc tùy chỉnh tốc độ học tập cho từng học sinh (cá nhân hóa), điều chỉnh phương pháp giảng dạy (sự khác biệt hóa) và cá nhân hóa nội dung học tập. Sau đó, báo cáo năm 2017, Bộ Giáo dục Hoa Kỳ tiếp tục diễn giải rằng, học tập cá nhân hoá là việc đưa ra các chỉ dẫn học tập để đáp ứng nhu cầu tối ưu hoá tốc độ học tập và phong cách học tập với mọi đối tượng học sinh. Mục tiêu học tập, phương pháp giảng dạy, nội dung giảng dạy, tất cả có thể khác nhau tùy thuộc vào nhu cầu của người học. Hơn nữa, các hoạt động học cần có ý nghĩa và có liên quan đến người học, dựa vào sự hứng thú và sự tự giác của người học.

Thực tiễn trong các văn bản chính sách cũng như tài liệu nghiên cứu, thuật ngữ “học tập cá nhân hóa” (personalized learning/individualized learning) vẫn đang được dùng thay thế hoặc có liên quan với một số thuật ngữ như học tập lấy người học làm trung tâm (learner-center approach), học tập thích ứng (adaptive learning), học tập phân biệt (differentiated learning) hay hướng dẫn tùy chỉnh (customized instruction). Các định nghĩa học tập cá nhân hóa và các thuật ngữ này đã được chọn vì chúng được sử dụng nhiều nhất trong các bài viết có liên quan tới học tập cá nhân hóa.

Tóm lại, học tập cá nhân hóa có thể liên quan đến các cấp độ khác nhau trong quá trình giáo dục, bao gồm cá nhân hóa chương trình giảng dạy, các khóa học cũng như hỗ trợ được cung cấp trong các khóa học. Hơn nữa, việc học tập được cá nhân hóa có thể diễn ra trong môi trường học tập truyền thống (mặt đối mặt) cũng như trong môi trường học tập nâng cao công nghệ. Theo cách tiếp cận truyền thống, học tập được cá nhân hóa yêu cầu một số lượng nhỏ người học trên mỗi giáo viên. Số lượng người học nhỏ giúp giáo viên có thể điều chỉnh các bài học, hoạt động và hỗ trợ học sinh một cách phù hợp. Tuy nhiên, trên thực tế, việc mở rộng quy mô lớp học cá nhân hóa không áp dụng công nghệ dường như là không thể thực hiện. Theo tác giả Keller, F. S trong bài viết *Good-bye, teacher...* trên tạp chí *Journal of applied behavior analysis*, học tập cá nhân hóa đang rất được quan tâm nhờ sự hỗ trợ từ các công nghệ mới liên quan đến dữ liệu lớn và phần mềm phân tích kết quả học tập. Bảng 1 dưới đây so sánh mô hình giảng dạy truyền thống và mô hình lớp học kĩ thuật số trong đó học tập cá nhân hóa được thực hiện.

Bảng 1: So sánh mô hình giảng dạy truyền thống và mô hình kĩ thuật số [12]

Mô hình giảng dạy truyền thống	Mô hình kĩ thuật số
Chỉ có một kiểu chỉ dẫn, một nguồn tài liệu giảng dạy cho mọi đối tượng học.	Học tập cá nhân hoá: nguồn tài liệu linh hoạt phù hợp với mỗi đối tượng học.
Sự tiến bộ chủ yếu nhờ vào thời gian trên lớp.	Sự tiến bộ nhờ vào việc người học chứng minh được sự làm chủ nội dung kiến thức và các tranh luận bằng việc áp dụng những gì đã học được.
Địa điểm và thời gian cố định trong phạm vi trường học.	Học mọi nơi và mọi lúc, trong và ngoài phạm vi trường học, 24/7, hầu hết là kết hợp hoạt động học trực tiếp và trực tuyến.
giáo viên hướng dẫn là chính, các giáo viên như những chuyên gia phổ biến nội dung bài giảng đến các học sinh trong lớp.	Học tập lấy học sinh làm trung tâm, kết hợp học theo nhóm lớn, nhóm nhỏ và học tập cá nhân hoá, trong đó giáo viên đóng vai trò là người hỗ trợ và chỉ dẫn thêm.
Tài liệu in, tĩnh; thường lỗi thời, là phương tiện chủ yếu cho nguồn tài liệu giáo dục.	Nội dung kĩ thuật số đem lại tính tương tác, linh hoạt và dễ dàng cập nhật các nguồn tài liệu giáo dục.
Các bài đánh giá học tập chuẩn hóa cuối khóa chủ yếu phục vụ trách nhiệm giải trình.	Các hoạt động kiểm tra đánh giá được tích hợp trong hoạt động học tập để có thông tin liên tục về thành tích của người học, nhằm mục đích cải thiện việc dạy và học.

Mô hình giảng dạy truyền thống	Mô hình kĩ thuật số
Việc học tập được thực hiện tách biệt với những trải nghiệm ngoài nhà trường.	Các hoạt động học tập theo dự án và phục vụ cộng đồng giúp học sinh kết nối với cuộc sống bên ngoài trường học.

2.4. Các nhân tố thiết yếu của học tập cá nhân hóa

Trong nghiên cứu của Mary et al., (2017) [13], các tác giả đã chỉ ra và phân tích 06 yêu cầu thiết yếu cần đảm bảo khi triển khai học tập cá nhân hóa như sau:

2.4.1. Sử dụng các tiêu chuẩn để định hướng nội dung

Cá nhân hóa việc học tập cần phải được thực hiện theo sự hướng dẫn chi tiết và rõ ràng với các bộ tiêu chuẩn, tiêu chí do nhà trường hoặc cơ quan quản lí giáo dục đưa ra. Bộ tiêu chuẩn này giúp đưa ra tiếng nói chung, tránh hiểu nhầm trong triển khai. Giáo viên không vì các tiêu chuẩn này mà giới hạn những hoạt động và nội dung học sinh sẽ học trong lớp mà chúng là kim chỉ nam giúp giáo viên biết hướng đi của mình. Đối với học sinh, một số em sẽ thấy việc đạt tiêu chuẩn là mục tiêu còn với các em khác thì có thể việc đạt tiêu chuẩn là một ngưỡng để các em bắt đầu một hành trình khám phá mới.

2.4.2. Cho phép sự linh hoạt về tốc độ

Một đặc điểm nổi bật của học tập cá nhân hóa là tính linh hoạt về tốc độ. Tất cả học sinh không được khuyến khích học cùng một lúc với tốc độ giống nhau. Giáo viên có thể biết học sinh của mình đang ở đâu qua việc liên tục nắm được thành tích học tập của chúng. Các hoạt động học tập có thể là theo nhóm nhỏ, học tập dựa trên các trò chơi, thực hành cá nhân, hoặc là học tập theo dự án. Giáo viên đóng vai trò then chốt trong việc giảng dạy trên lớp. Tuy nhiên, các quyết định đưa ra đều lấy học sinh làm trung tâm vì dựa trên cách học tập hiệu quả nhất của học sinh. Hiểu được tầm quan trọng của sự linh hoạt trong tốc độ là việc hiểu được học sinh đang ở đâu trong quá trình học tập của chính mình, cung cấp những cách học khác nhau để học sinh tiến bộ và sau đó để học sinh tiến triển với mức độ phù hợp. Đó là một khía cạnh quan trọng của học tập cá nhân hóa.

2.4.3. Chuyển từ việc lấy giáo viên làm trung tâm sang lấy học sinh làm trung tâm

Các lớp học lấy giáo viên làm trung tâm xoay quanh việc các giáo viên đóng vai trò là người nắm giữ và phổ biến kiến thức. Giáo viên có quyền làm chủ việc giảng dạy và trong các lớp học lấy giáo viên làm trung tâm, trọng tâm là việc giảng dạy chứ không phải việc học. Khi nói chuyện với giáo viên và nhà trường với cách tiếp cận chủ yếu là lấy giáo viên làm trung tâm hoặc

nếu xem hướng dẫn của họ về cách giảng dạy, ngôn ngữ thường tập trung nhiều vào người lớn trong nhà trường hơn là học sinh.

Trong một lớp học lấy học sinh làm trung tâm, vị trí trọng tâm dịch chuyển ra khỏi giáo viên. Sự thay đổi này thường được thấy rõ trong sự bố trí của lớp học. Không phải tất cả các bàn học đều hướng về phía giáo viên, không gian được thiết kế để dễ làm việc chung hơn. Học sinh không làm những việc lặp đi lặp lại trong cùng một thời điểm vào mỗi ngày. Các chiến lược và nội dung giảng dạy không bắt buộc mọi học sinh đều học theo một cách và những gì hiệu quả cho học sinh này có thể không hiệu quả đối với một học sinh khác. Học tập dựa trên những gì học sinh cần và giáo viên là người tạo cơ hội học tập để đảm bảo rằng, học sinh có thể thành công. Họ cung cấp các cơ hội và kinh nghiệm học tập không phải là phù hợp cho tất cả học sinh mà là phù hợp với nhu cầu cá nhân của một học sinh. Kinh nghiệm học tập có thể thay đổi theo tốc độ, trình độ giảng dạy và hỗ trợ. Gần như không thể thực sự lấy học sinh làm trung tâm nếu không loại bỏ việc giảng dạy chỉ dựa trên thành tích học tập, các bài thi trắc nghiệm hay là mọi học sinh đều làm những công việc giống nhau trong cùng một thời điểm. Phương pháp lấy học sinh làm trung tâm đòi hỏi phải hiểu được sự kết hợp phức tạp giữa các đặc điểm và điểm mạnh của một học sinh.

2.4.4. Phát triển sự chủ động của người học

Sự tự chủ của học sinh thể hiện ở việc họ phải đặt mục tiêu và hiểu rõ mình đang cố gắng đi đến đâu, sau đó được trao quyền định hướng và có quyền làm chủ việc học của mình. Học sinh có quyền tự quyết và họ không đợi giáo viên nói cho họ biết họ nên làm gì tiếp theo. Sự tự chủ có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể về kết quả và cá tính của học sinh. Theo Farrington và các cộng sự: “Khi học sinh tin rằng, họ có khả năng thành công trong việc đáp ứng các yêu cầu học tập trong lớp học, họ có nhiều khả năng sẽ cố gắng và kiên trì hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ngay cả khi họ thấy công việc khó khăn hoặc không thể thành công ngay lập tức”.

2.4.5. Phát triển 4Cs

Học tập cá nhân hóa cung cấp nhiều cơ hội khác nhau để đạt được 04 kĩ năng cần thiết của thế kỉ XXI (4Cs gồm: kĩ năng hợp tác (collaboration), kĩ năng tư duy phản biện (critical thinking), kĩ năng giao tiếp (communication) và sáng tạo (creativity). Thông qua một loạt các chiến lược giảng dạy hấp dẫn, việc kết hợp 4Cs có thể là một chiến lược quan trọng liên quan đến quyền tự quyết của người học. Yêu cầu học sinh suy nghĩ kĩ càng, hợp tác, trao đổi và sáng tạo có thể cung cấp những cách để học sinh thúc đẩy và làm chủ được việc học của mình.

2.4.6. Môi trường kĩ thuật số là không thể thiếu đối với việc triển khai học tập cá nhân hóa

Vẫn có những hoạt động học tập cá nhân hóa không cần môi trường học tập kĩ thuật số nhưng trên thực tế, việc mở rộng quy mô học tập được cá nhân hóa không có kĩ thuật số là không khả thi. Điều đó không có nghĩa là mọi bài học hay hoạt động học của lớp học cá nhân hóa đều bao gồm công nghệ. Học tập với nền tảng kĩ thuật số có thể đẩy nhanh sự chuyển đổi sang học tập cá nhân hóa bởi nó cung cấp nhiều lựa chọn nội dung hơn, mở rộng khả năng tích hợp 4Cs và có thể thúc đẩy quyền tự quyết của người học. Môi trường học tập kĩ thuật số có thể hỗ trợ đáng kể trong việc tối ưu hóa các nguồn và công cụ có sẵn cho giáo viên, đồng thời mang lại cơ hội phát triển hiệu quả cho bản thân học sinh phát triển và thực hành.

3. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu của Bernacki et al. [14] đã tổng hợp có ít nhất 10 lí thuyết học tập ảnh hưởng đến học tập cá nhân hóa, kèm theo là các kĩ thuật giảng dạy và học tập tương ứng và các chuẩn đầu ra có liên quan. Vì vậy, để triển khai hiệu quả môi trường học tập cá nhân hóa, cần có sự tham khảo kĩ lưỡng các lí thuyết học tập liên quan để hiểu rõ các đặc điểm chung của người học trong môi trường này, các kĩ thuật thực hiện trong từng trường hợp tương ứng các chuẩn đầu ra của chương trình.

Ngoài ra, khi mô tả cách hiểu về học tập cá nhân hóa, người ta thường nghĩ về những lộn xộn và ồn ào hơn những gì chúng ta tưởng tượng về một lớp học truyền thống. Theo Brass, J., & Lynch (2020) [15], trong lớp học cá nhân hóa đó, học sinh và giáo viên có thể đang làm những nhiệm vụ khác nhau với những nội dung khác nhau. Học sinh có thể cộng tác với những bạn đồng trang lứa, làm việc với giáo viên hoặc làm việc một mình. Học sinh có thể xác định làm gì tiếp theo với sự hướng dẫn của giáo viên hơn là dựa dẫm vào việc giáo viên bảo chúng cần làm. Nhiều giáo viên có thể đang làm việc với một nhóm nhiều học sinh hơn và không gian có thể giống như một quán cà phê hơn

là một lớp học truyền thống và hiếm khi nhìn thấy tất cả học sinh ngồi một cách yên lặng trong khi một giáo viên đang giảng dạy.

Đối với nhiều giáo viên và người quản lí, kiểu môi trường học tập này khó để hình dung ra. Với những giáo viên cảm thấy thoải mái trong vai trò truyền thống, sự mất kiểm soát này là một viễn cảnh đáng sợ. Tuy nhiên, chúng ta cần thấy rằng, việc tin tưởng học sinh cũng quan trọng như việc tin tưởng những người trưởng thành khác trong nhà trường. Giáo viên và các cá nhân, tổ chức phải tin rằng, học sinh có thể làm việc một cách độc lập và họ sẽ được kiểm tra khi cần thiết. Tất cả người lớn trong nhà trường phải tin rằng, nếu học sinh quan tâm và biết vì sao các em đang học tập thì khoảng thời gian tự học sẽ hữu ích. Khi học sinh biết phải làm gì, làm như thế nào và các em có quyền kiểm soát việc học tập của chính mình. Điều này làm tái cân bằng kiểm soát lớp học, dẫn đến gia tăng trong sự tham gia, tập trung vào học tập của học sinh.

Ngoài ra, hiểu được các yêu cầu thiết yếu của việc học tập cá nhân hóa sẽ giúp ích khi các nhà quản lí hướng dẫn các bên liên quan của mình trong việc triển khai các hoạt động dạy và học cũng như có chiến lược cho cơ sở giáo dục của mình. Vạch ra một kế hoạch có tầm nhìn cho trường học là một bước cần thiết để thay đổi. Điều đó có thể bao gồm: Thuyết phục các bên liên quan; Có những người quản lí sẵn sàng thay đổi và tận tâm công hiến; Xây dựng được văn hóa nhà trường nơi có sự trao quyền và tin tưởng; Cá nhân hóa việc phát triển chuyên môn của giáo viên; Phát triển năng lực cho học sinh; Xây dựng và duy trì được hệ thống cơ sở hạ tầng hỗ trợ; Xây dựng đội nhóm có năng lực triển khai. Bài viết này còn giới hạn ở phương pháp nghiên cứu tài liệu để có những phân tích lí thuyết và thực tiễn về khái niệm học tập cá nhân hóa, đặc điểm, lưu ý trong triển khai. Trong nghiên cứu tiếp theo, tác giả sẽ tiến hành nghiên cứu thực nghiệm để chỉ ra quan điểm, nhận thức của nhóm các nhà quản lí giáo dục tại Việt Nam trong vấn đề triển khai học tập cá nhân hóa tại các cơ sở giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- [1] Shemshack, A., & Spector, J. M., (2020), *A systematic literature review of personalized learning terms*, Smart Learning Environments, 7(1), p.1-20, <https://doi.org/10.1186/s40561-020-00140-9>.
- [2] Lee, D., Huh, Y., Lin, C. Y., & Reigeluth, C. M., (2018), *Technology functions for personalized learning in learner-centered schools*, Educational Technology Research and Development, 66(5), 1269-1302, <https://doi.org/10.1007/s11423-018-9615-9>.
- [3] Lin, C. F., Yeh, Y. C., Hung, Y. H., & Chang, R. I., (2013), *Data mining for providing a personalized learning path in creativity: an application of decision trees*, Computers & Education, 68, p.199-210.
- [4] FitzGerald E., Kucirkova, N., Jones, A., Cross, S., Ferguson, R., Herodotou, C., Scanlon, E., (2018), *Dimensions of personalisation in technology-enhanced learning: A framework and implications for design*, British Journal of Educational Technology, 49(1), p.165-181, <https://doi.org/10.1111/bjet.12534>.
- [5] Watson W.R & Watson S.L., (2017), *Principles for personalized instruction*, In: Instructional design theories and models Volume 4: The learner-centered paradigm of education, New York London: Routledge, <https://doi.org/10.4324/97813157954784>.
- [6] Schmid, R., & Petko, D., (2019), *Does the use of educational technology in personalized learning*

- environments correlate with self-reported digital skills and beliefs of secondary-school students?*, Computers & Education, 136, 75 - 86, <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2019.03.006>.
- [7] Truong, H. M, (2016), *Integrating learning styles and adaptive e-learning system: current developments, problems, and opportunities*, Computers in Human Behavior, 55, p.1185–1193 , <https://doi.org/10.1016/j.chb.2015.02.014>.
- [8] Weiss, D., & Bordelon, B, (2012), *The instructional design of time to know's teaching and learning environment*, Digital teaching platforms: Customizing classroom learning for each student, 171-187.
- [9] Sampson, D., Karagiannidis, C., & Kinshuk, (2002), *Personalised learning: educational, technological and standardisation perspective*, Interactive Educational Multimedia: IEM, 4(4), 24–39.
- [10] Lê Thái Hưng - Nguyễn Thái Hà, (6/2021), *Xu thế kiểm tra, đánh giá năng lực người học trên nền tảng công nghệ*, Tạp chí Khoa học GD Việt Nam, số 42.
- [11] Dewey, J, (1998), *The essential Dewey: Pragmatism, education, democracy*, Vol.1, Indiana University Press.
- [12] Maki, P. L, (2017), *Real-time student assessment: Meeting the imperative for improved time to degree, closing the opportunity gap, and assuring student competencies for 21st-century needs*, Stylus Publishing, LLC.
- [13] Mary A.W., Elizabeth B., Nancy M, (2017), *Leading Personalized and Digital Learning: A Framework for Implementing School Change*, Harvard Education Press, p.15-34.
- [14] Bernacki, M. L., Greene, M. J., & Lobczowski, N. G, (2021), *A Systematic Review of Research on Personalized Learning: Personalized by Whom, to What, How, and for What Purpose (s)?*, Educational Psychology Review, 1-41, <https://link.springer.com/article/10.1007/s10648-021-09615-8>.
- [15] Brass, J., & Lynch, T. L, (2020), *Personalized learning: A history of the present*, Journal of Curriculum Theorizing, 35(2).

PERSONALIZED LEARNING: ESSENTIAL COMPONENTS AND IMPLEMENTATION NOTES

Tran Thi Thu Huong

Email: huong.tran@vnu.edu.vn
 VNU University of Education,
 Vietnam National University, Hanoi
 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *Personalizing learning has become an inevitable trend in the context of the industrial revolution 4.0. This study aims to synthesize and analyze related concepts and essential factors in the process of effectively implementing personalized teaching and learning in order to contribute to the current literature about personalized learning. The research results show that the trend of personalized learning originates from the need to solve four problems of education in a new context. It also highlights six essential factors that need to be ensured to actualize personalized learning. These results and recommendations not only provide a theoretical foundation for managers in implementing personalized learning models in schools with the application of digital platforms but also help education researchers have a more in-depth and comprehensive view of this issue.*

KEYWORDS: *Personalized learning, differentiated learning, adaptive learning, digital environment, learner - centered approach.*